

HỒ SƠ YÊU CẦU

(Cung cấp phân đạm SA cho Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền)

Phát hành ngày: 18 tháng 02 năm 2021.

Ban hành kèm theo Quyết định số: 35/QĐ-PLVD, ngày 18 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỀN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Văn Hồng Sơn

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

| | |
|---------------------------|---|
| Hàng hóa | Phân đạm SA |
| Bên mời cung cấp hàng hóa | Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển |
| Hồ sơ yêu cầu | Là những nội dung của bên mời cung cấp hàng hóa yêu cầu nhà cung cấp |
| Hồ sơ đề xuất | Là những nội dung, văn bản liên quan của nhà cung cấp hàng hóa nhằm đáp ứng yêu cầu của bên mời cung cấp hàng hóa |

Chương I. YÊU CẦU NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời cung cấp hàng hóa là: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

2. Bên mời cung cấp hàng hóa mời nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh: Cung cấp phân đạm SA cho Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển. Phạm vi công việc, yêu cầu của việc cung cấp hàng hóa được nêu tại chương II của Hồ sơ yêu cầu này.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp hàng hóa

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp Hồ sơ đề xuất cung cấp hàng hóa khi đáp ứng điều kiện sau đây:

Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp phải nộp đơn chào hàng (mẫu 01) và bảng giá chào hàng (mẫu số 02) tại chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

2. Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện cung cấp hàng hóa trên cơ sở yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác (nếu có). Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 4. Thành phần của Hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo mẫu số 01 tại chương III.
2. Biểu giá theo mẫu số 02 tại chương III.
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.
4. Các nội dung cần thiết khác:
 - Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam;
 - Có giá chào cố định, không chào giá theo nhiều mức giá hoặc có kèm điều kiện;

- Giá chào hàng đã bao gồm:
- + Chi phí vận chuyển hàng đến bên mua;
- + Thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan khác (nếu có).

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất trực tiếp hoặc qua đường bưu điện/thư điện tử/fax về địa chỉ: Phòng Vật tư - Tổng hợp, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội; điện thoại: 0243.688.4489/043.688.5174, fax: 0243.688.4277, email: vandienfmp@gmail.com; không muộn hơn .16. giờ..15... ngày .03.. tháng 3..... năm 2021. Các Hồ sơ đề xuất được gửi đến bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ đề xuất của từng nhà cung cấp. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp Hồ sơ đề xuất, bên mời cung cấp lập văn bản tiếp nhận các Hồ sơ đề xuất bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất.

3. Bên mời cung cấp so sánh các Hồ sơ đề xuất theo Hồ sơ yêu cầu để đánh giá các Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Điều kiện nhà cung cấp được lựa chọn để cung cấp hàng hóa

Nhà cung cấp được lựa chọn để cung cấp hàng hóa khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Đáp ứng các tiêu chí quy định trong Hồ sơ yêu cầu của bên mời cung cấp hàng hóa.
2. Có giá chào sau sửa lỗi, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất.

2. Khi nhận được thông báo về kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu có nhà cung cấp không được lựa chọn gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp đó.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những

vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Pháp luật.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA HÀNG HÓA

Nhà cung cấp phải cung cấp hàng hóa theo đúng yêu cầu tại bảng dưới đây.

| TT | Tên hàng hóa | Chất lượng, quy cách, xuất xứ hàng hóa | Số lượng, tiến độ giao nhận hàng | Địa điểm giao nhận hàng |
|----|--------------|--|---|---|
| 1 | Phân đạm SA | <p>1. Chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hàm lượng N \geq 20,5% (Sai số cho phép: - 3%)- Dạng bột; màu xám hoặc trắng ngà- Độ ẩm \leq 1%- Hàng khô, rời, không đóng cục, kết tảng <p>2. Quy cách:</p> <p>Đóng bao 50 kg \pm 0,2kg/bao</p> <p>3. Xuất xứ: Trung Quốc</p> | <p>1. Số lượng: 1.800 tấn</p> <p>2. Tiến độ giao hàng:</p> <p>a. Lô thứ nhất: Trước ngày 15/3/2021: Giao 200 tấn</p> <p>b. Lô thứ hai: Kể từ ngày thứ 25 đến ngày thứ 40 (tính từ ngày bên bán nhận được tiền đặt cọc của bên mua): Giao 1.600 tấn còn lại.</p> | <p>Tại bên mua: đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.</p> |

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

ĐƠN CHÀO HÀNG

Cung cấp phân đạm SA cho Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Kính gửi: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện cung cấp phân đạm SA cho Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển theo đúng các tiêu chí trong Hồ sơ yêu cầu với chất lượng, số lượng, tiến độ, địa điểm dưới đây cùng với biểu giá kèm theo:

1- Tên hàng: Phân đạm SA, xuất xứ Trung Quốc

2- Chất lượng:

- Hàm lượng N \geq 20,5% (Sai số cho phép: - 3%)
- Dạng bột, màu xám hoặc trắng ngà; độ ẩm \leq 1%
- Hàng khô, rời, không đóng cục, kết tảng.

3- Số lượng: 1.800 tấn

4- Thời gian giao hàng:

a. Lô thứ nhất: Trước ngày 15/3/2021: Giao 200 tấn

b. Lô thứ hai: Kể từ ngày thứ 25 đến ngày thứ 40 (tính từ ngày bên bán nhận được tiền đặt cọc của bên mua): Giao 1.600 tấn còn lại.

5- Địa điểm giao hàng: Tại bên mua (Đường Phan Trọng Tuệ, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội); bên mua dỡ hàng xuống.

6- Thanh toán: _____

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà cung cấp chính.

2. Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ bảo đảm cung cấp hàng hóa đảm bảo đúng chất lượng, quy cách, xuất xứ, số lượng, tiến độ, địa điểm giao hàng cho Công ty cổ phần Phân lân Văn Điển theo đúng các tiêu chí trong Hồ sơ yêu cầu, cũng như các nội dung được nêu trong dự thảo hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày ____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp hàng hóa

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

| STT | Nội dung | Đơn giá (đồng/tấn) |
|------------|-----------------|-------------------------------|
| 1 | Phân đạm SA | _____ |

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp hàng hóa
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Đơn giá trên bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của bên mời cung cấp hàng hóa, trong đó bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan (nếu có)...; khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà cung cấp hàng hóa phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác (nếu có)... theo thuế suất, mức phí, lệ phí... trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Về việc: _____

Số: _____

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời cung cấp hàng hóa và nhà cung cấp ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, chúng tôi gồm:

BÊN MUA: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Người đại diện: _____

- Chức vụ: _____

Sau đây gọi là Bên A

BÊN BÁN: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Người đại diện: _____

- Chức vụ: _____

Sau đây gọi là Bên B

Thông nhất ký hợp đồng mua bán phân đạm SA với những điều khoản như sau:

Điều 1: Tên hàng, chất lượng, quy cách, số lượng, giá cả

- 1- Tên hàng hóa: Phân đạm SA; xuất xứ: Trung Quốc
- 2- Chất lượng: Hàm lượng N \geq 20,5% (sai số cho phép: -3%); độ ẩm \leq 1,0%; dạng bột; màu xám hoặc trắng ngà; khô, rời, không đóng cục, kết tảng.
Chất lượng từng lô hàng bên B giao (từng ngày) được bên A phân tích và thông báo kết quả phân tích cho bên B. Trường hợp bên B không thống nhất với kết quả phân tích của bên A, hai bên cùng lấy mẫu và gửi cho 01 Cơ quan giám định có thẩm quyền của Việt Nam. Kết quả phân tích của Cơ quan giám định là kết quả cuối cùng, buộc bên A và bên B phải thực hiện.
- 3- Quy cách: Đóng bao 50kg \pm 0,2kg/bao.
- 4- Số lượng: 1.800 tấn (một nghìn tám trăm tấn).
- 5- Giá cả: _____ đồng/tấn
Giá trị hợp đồng: _____ đồng

Điều 2: Tiến độ và phương thức giao nhận hàng

2.1. Tiến độ giao hàng:

a. Lô thứ nhất: Trước ngày 15/3/2021: Giao 200 tấn

b. Lô thứ hai: Kể từ ngày thứ 25 đến ngày thứ 40 (tính từ ngày bên B nhận được tiền đặt cọc của bên A thể hiện trên chứng từ chuyển tiền hợp lệ theo quy định của Ngân hàng và được bên A fax cho bên B theo số fax quy định tại hợp đồng): Giao 1.600 tấn còn lại.

2.2. Phương thức giao nhận:

a. Địa điểm giao nhận: Giao trên phương tiện vận chuyển của Bên B tại kho của Bên A (đ/c: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội); Bên A dỡ hàng xuống.

b. Khối lượng giao nhận theo trọng lượng thực tế qua cầu cân của Bên A sau khi đã trừ trọng lượng vỏ bao. Trường hợp nhập qua cầu cân, trọng lượng lớn hơn trọng lượng đầu bao tiêu chuẩn thì lấy đầu bao tiêu chuẩn để nhập và thanh toán.

c. Hàng được giao nhận đảm bảo đúng xuất xứ, chất lượng, quy cách nêu tại Điều 1. Trường hợp Bên B giao hàng không đạt xuất xứ, chất lượng, quy cách thì Bên A có quyền không nhận hàng và bên B phải trả lại cho bên A toàn bộ số tiền bên A đã tạm ứng cho bên B cùng số tiền phạt và lãi suất ngân hàng phải trả (quy định cụ thể tại điều 4 của hợp đồng này).

Điều 3: Đặt cọc, Thanh toán:

a. Đặt cọc: Trong vòng 02 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng: Bên A đặt cọc 30% giá trị hợp đồng cho bên B.

b. Thanh toán:

- Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi bên bán giao xong lô thứ nhất: Bên A thanh toán toàn bộ giá trị lô hàng 200 tấn khi nhận được hóa đơn và chứng từ hợp lệ do bên B cấp (có khấu trừ tiền đặt cọc tương đương 30% giá trị của lô hàng thứ nhất)
- Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi bên bán giao xong lô thứ 2: Bên A thanh toán toàn bộ giá trị lô hàng 1.600 tấn (có khấu trừ số tiền đặt cọc còn lại tương đương 30% của lô hàng thứ 2) khi nhận được hóa đơn và chứng từ hợp lệ do bên B cấp.

c. Hình thức đặt cọc và thanh toán: Chuyển khoản qua ngân hàng.

Điều 4: Điều khoản phạt

a. Nếu bên A không nhận hàng, bên A mất toàn bộ số tiền đặt cọc.

b. Nếu bên B chậm tiến độ giao hàng theo Điều 2:

- Trường hợp bên B chưa giao hàng: bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 10% giá trị hợp đồng và trả lại bên A toàn bộ số tiền đặt cọc (ngay sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của bên A).

- Trường hợp bên B đã giao hàng: bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 10% giá trị hợp đồng, số tiền này sẽ được bù trừ vào số tiền còn lại bên A phải trả cho bên B tương ứng với số hàng đã nhập

c. Nếu Bên B giao hàng không đạt xuất xứ, chất lượng, quy cách: Bên A có quyền không nhận hàng và thông báo cho Bên B đến nhận hàng về, mọi chi phí phát sinh do trả lại hàng do Bên B chịu, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bên B phải trả lại bên A toàn bộ số tiền đặt cọc và phải chịu phạt với mức phạt 5% đối với giá trị lô hàng không đạt chất lượng đồng thời phải trả thêm cho bên A lãi suất tiền vay ngân hàng kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng nơi bên A mở tài khoản giao dịch chính tính từ ngày bên A thông báo cho bên B đến nhận hàng cho đến khi bên A nhận được tiền trả lại của bên B (gồm tiền cọc và các khoản phạt quy định nêu trên).

Điều 5: Trách nhiệm các bên

5.1. Trách nhiệm Bên A:

- Nhận đủ hàng theo Hợp đồng này.
- Phân tích về chất lượng đối với từng lô hàng do Bên B giao (từng ngày) và thông báo kết quả cho bên B.
- Thanh toán đầy đủ cho Bên B theo Điều 3 của Hợp đồng này.
- Các trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

- Giao hàng cho Bên A theo đúng xuất xứ, chất lượng, quy cách số lượng, tiến độ quy định tại Hợp đồng;
- Yêu cầu Bên A thanh toán theo quy định của Hợp đồng này.
- Các trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 6: Trường hợp bất khả kháng

6.1. Các bên ký kết sẽ không phải chịu trách nhiệm do không thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng trong trường hợp gặp phải sự kiện bất khả kháng như: Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, lũ lụt, đình công,... Ngay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia bằng văn bản về sự kiện, khả năng ảnh hưởng và cách khắc phục, thông báo này được gửi trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. Quá thời hạn này bất khả kháng sẽ không được công nhận và bên không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng phải bồi thường.

6.2. Trường hợp bất khả kháng chỉ được chấp nhận sau đó, nếu có tài liệu chứng minh hoặc được xác nhận bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7: Các điều khoản khác

7.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày _____ và tự động được thanh lý sau khi Hợp đồng hết hiệu lực và khi các bên đã hoàn thành xong toàn bộ nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

7.2. Mọi sự sửa đổi, bổ sung cho Hợp đồng này chỉ có giá trị khi hai bên thoả thuận bằng văn bản.

7.3. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật. Mọi tranh chấp phát sinh từ/hoặc liên quan đến hợp đồng này các bên sẽ tự thoả thuận, nếu không tự giải quyết được thì yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Bên A đặt trụ sở giải quyết. Phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng, bên nào thua thì chịu phạt theo quy định của pháp luật.

7.4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bản có 04 trang, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản./.

BÊN B

BÊN A